

BÁO CÁO

**Sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW,
ngày 20/01/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (Khoá XII)
“Về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới”**

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ 5 NĂM THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 21-CT/TW

I. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Lâm Đồng là tỉnh miền núi Nam Tây Nguyên, diện tích tự nhiên 9.774 km²; có 12 đơn vị hành chính cấp huyện (*10 huyện và 02 thành phố*); 142 đơn vị hành chính cấp xã (*111 xã, 18 phường, 13 thị trấn*); 1.376 thôn, tổ dân phố; dân số 1.321.839 người, có 656.161 nữ chiếm 49,64%, số nữ trong độ tuổi lao động 383.142/798.547, chiếm 47,98%. Toàn tỉnh có 14 hội cấp huyện và tương đương, 157 hội cấp cơ sở, 1.376 chi hội cơ sở và 3.576 tổ phụ nữ với hơn 167.000 hội viên (*Tỷ lệ hội viên tham gia sinh hoạt hội đạt trên 81%*).

Phát huy truyền thống tốt đẹp của phụ nữ Việt Nam, phụ nữ Lâm Đồng luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng; chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tích cực học tập nâng cao trình độ mọi mặt; đoàn kết, cần cù, năng động, sáng tạo trong lao động, sản xuất và công tác; xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc; kiên trì khắc phục, vượt mọi khó khăn, thách thức; tham gia các hoạt động xã hội; phát huy vai trò làm chủ, tích cực tham gia xây dựng Đảng, quản lý Nhà nước; ngày càng khẳng định vai trò, vị thế của phụ nữ trong gia đình và xã hội đóng góp xứng đáng vào quá trình phát triển chung của tỉnh.

Tuy nhiên, đời sống vật chất, tinh thần của một bộ phận phụ nữ còn khó khăn, nhất là ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh, biến đổi khí hậu, thời tiết diễn biến phức tạp, tác động đến công ăn, việc làm của nhóm phụ nữ buôn bán nhỏ, dân tộc thiểu số, phụ nữ trong các ngành du lịch, thương mại, dịch vụ...; tỷ lệ phụ nữ ở nông thôn được đào tạo nghề còn thấp, khó tiếp cận các dịch vụ công và không có việc làm ổn định, dễ bị tổn thương, thu nhập bấp bênh, cuộc sống khó khăn. Môi trường sống an toàn cho phụ nữ có mặt chưa bảo đảm; tình trạng bạo lực với phụ nữ, buôn bán phụ nữ còn diễn ra; một số phụ nữ thiếu hiểu biết pháp luật, nhận thức chưa đầy đủ về bình đẳng giới, quyền của phụ nữ, giá trị của bản thân, suy thoái về đạo đức, lối sống, xa rời trách nhiệm của gia đình và xã hội, sa vào tệ nạn xã hội, mê tín, dị đoan.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW

Sau khi Chỉ thị số 21-CT/TW, ngày 20/01/2018 của Ban Bí thư Trung ương

Đảng “Về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới” (gọi tắt là *Chỉ thị số 21-CT/TW*) được ban hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Công văn số 2405-CV/TU, ngày 28/3/2018 chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc (*MTTQ*) và các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan thông tin đại chúng có kế hoạch tổ chức quán triệt, phổ biến, tuyên truyền sâu rộng Chỉ thị số 21-CT/TW đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với từng nhóm đối tượng. Báo Lâm Đồng, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh đã xây dựng các chuyên trang, chuyên mục về công tác phụ nữ, tuyên truyền các gương điển hình phụ nữ sản xuất, kinh doanh giỏi, phụ nữ khởi nghiệp, tổ chức tốt cuộc sống gia đình, thực hiện tốt việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Kết quả, trong 05 năm đã tổ chức 2.700 cuộc tuyên truyền, phổ biến nghị quyết, chỉ thị, chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến công tác phụ nữ cho gần 164.000 lượt cán bộ, hội viên, phụ nữ; phát hành 75.000 tờ rơi, 25.000 cuốn tài liệu, cẩm nang, sổ tay tuyên truyền, 1.500 băng rôn tuyên truyền.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản triển khai thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW¹; chỉ đạo các sở, ngành liên quan triển khai thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW gắn việc thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới với nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị. Tiếp tục triển khai thực hiện các Đề án² liên quan đến công tác phụ nữ trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch thực hiện hằng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương, cụ thể hóa các chỉ tiêu về bình đẳng giới gắn với Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; thường xuyên kiện toàn Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ các cấp; quan tâm bố trí kinh phí thực hiện công tác phụ nữ và bình đẳng giới.

Ban Chấp hành Hội Liên hiệp phụ nữ (*LHPN*) tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các cấp hội chủ động tham mưu cho cấp ủy đơn vị xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đơn vị; 100% hội cấp huyện có kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW gắn với chương trình công tác hội và phong trào phụ nữ hằng năm.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW; ban hành Công văn số 2595-CV/TU, ngày 22/5/2023 về sơ kết 05 năm thực hiện thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW, trong đó, yêu cầu các địa phương, cơ quan, đơn vị tiến hành tự kiểm tra và xây dựng báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị. Đến nay, công tác sơ kết Chỉ thị số 21-CT/TW được thực hiện nghiêm túc, việc tổ chức sơ kết được tiến hành từ tỉnh đến cơ sở và đạt được những kết quả khá toàn diện. Các cấp ủy đảng, chính quyền chủ trì, phối hợp tổ chức 32 cuộc kiểm tra, trên 200 cuộc giám sát việc thực

¹Công văn số 1944/UBND-VX2, ngày 06/4/2018 về triển khai thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW, ngày 20/01/2018 của Ban Bí thư “Về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới”, Kế hoạch số 2167/KH-UBND, ngày 12/4/2021 về triển khai Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Kế hoạch số 1732/KH-UBND, ngày 24/3/2021 về triển khai Chương trình phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Kế hoạch số 5658/KH-UBND, ngày 10/8/2021 về việc triển khai thực hiện Chương trình “Tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo và quản lý các cấp hoạch định chính sách giai đoạn 2021 - 2030”; Kế hoạch số 1073/KH-UBND, ngày 23/02/2022 về việc triển khai Chương trình truyền thông về bình đẳng giới đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

²Đề án 938 “Tuyên truyền, giáo dục, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ giai đoạn 2017 - 2027”; Đề án 939 “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025”.

hiện các chính sách pháp luật về phòng chống bạo lực gia đình, chính sách liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng của phụ nữ tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp với các nội dung như: Việc thực hiện chính sách pháp luật về phòng chống bạo lực gia đình, các chính sách cho lao động nữ, các quyền lợi đối với bà mẹ và phụ nữ mang thai... Qua sơ kết, có 552 mô hình, 2.339 điển hình về hỗ trợ phụ nữ nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác, sản xuất kinh doanh, phát triển kinh tế, xây dựng nếp sống văn hóa, tổ chức tốt cuộc sống gia đình, nuôi dạy con tốt ...; có 367 lượt tập thể, 186 cá nhân được biểu dương, khen thưởng.

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được nêu trong Chỉ thị số 21-CT/TW

2.1. Việc thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới, tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển toàn diện

Nhằm đảm bảo quyền lợi, cơ hội bình đẳng giới và tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển toàn diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp ủy đảng xây dựng chương trình, kế hoạch và tập trung thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp thực hiện bình đẳng giới và Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới các giai đoạn theo chỉ đạo của Trung ương.

Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa, ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các chính sách, pháp luật về giới và bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh như: Kế hoạch triển khai Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trong các giai đoạn từ 2011 - 2030³; các kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia đã tạo cơ hội hỗ trợ phụ nữ phát triển toàn diện và từng bước thực hiện thúc đẩy bình đẳng giới một cách thực chất; tổ chức “*Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới*” hằng năm. Việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật cũng được các cấp, các ngành, quan tâm, chú trọng; vấn đề bình đẳng giới không chỉ dừng lại ở việc bảo đảm nguyên tắc nam, nữ không bị phân biệt đối xử về giới mà còn quy định các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới⁴. Từ đó phần nào xóa bỏ những rào cản cho sự phát triển của phụ nữ, bảo đảm tốt hơn quyền lợi chính đáng của phụ nữ cũng như tạo điều kiện và môi trường bình đẳng khuyến khích phụ nữ tham gia vào các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Nhằm phát huy vai trò của các cấp hội tham gia vào các hoạt động quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật về các vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích của phụ nữ, trẻ em, Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh ban hành Quy chế về phối hợp hoạt động và mối quan hệ công tác giữa Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; chỉ đạo các sở, ban, ngành, chính quyền các cấp ký chương trình phối hợp với các cấp hội⁵. Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp đã phát

³ Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020; kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2025; kế hoạch phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2016 - 2020 và giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch truyền thông về bình đẳng giới đến năm 2030.

⁴ Quy định Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện trong Hiến pháp 2013; quy định về đảm bảo tỷ lệ 35% ứng cử viên là nữ trong Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND; quy định lao động nam có vợ sinh con được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản trong Luật BHXH; quy định về an toàn, vệ sinh lao động đối với lao động nữ trong Luật ATVSLĐ,...

⁵ Chương trình phối hợp giữa Hội LHPN tỉnh với Công an, Sở Y tế, Sở Giáo dục, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tư pháp. 12/12 Hội LHPN huyện, thành phố ký chương trình phối hợp với UBND cùng cấp.

huy tốt vai trò đại diện của phụ nữ trong các ban soạn thảo, tổ biên tập xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh⁶.

Công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bình đẳng giới được các cấp ủy đảng, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội chú trọng, triển khai thực hiện. Hằng năm, Sở Tư pháp - Cơ quan Thường trực Hội đồng phối hợp, phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật mới, trọng đó, có chú trọng tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bình đẳng giới. Các cấp, các ngành đã tích cực cụ thể hóa các chính sách, pháp luật thành các chương trình, đề án, hoạt động nhằm tạo điều kiện và cơ hội để phụ nữ vươn lên, tiến bộ, góp phần thực hiện các chỉ tiêu đề ra.

Các cấp ủy đảng chỉ đạo chính quyền các cấp, MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng và thực hiện các chính sách đặc thù hỗ trợ phụ nữ vùng sâu, vùng xa, phụ nữ là người dân tộc thiểu số, phụ nữ khuyết tật, đơn thân, cao tuổi, phụ nữ mang thai và nuôi con nhỏ, chuyển đổi nghề. Thông qua các mô hình sinh kế tạo việc làm tại chỗ, hoạt động giúp phụ nữ nghèo, giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, hỗ trợ vốn tín dụng⁷, đào tạo, tập huấn cho hội viên, phụ nữ nghèo gắn kết với Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, chương trình quốc gia “*Mỗi xã một sản phẩm*” (OCOP), cuộc vận động xây dựng gia đình “*5 không, 3 sạch*” đã giúp hàng nghìn hộ thoát nghèo, trong đó có 12.471 hộ gia đình có phụ nữ thoát nghèo theo tiêu chí mới.

Công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm nói chung và cho phụ nữ nói riêng được quan tâm, nhất là phụ nữ nghèo, phụ nữ nông thôn, phụ nữ vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Phụ nữ được tiếp cận các nguồn vốn, giống cây trồng, vật nuôi, phân bón và tiếp cận khoa học, công nghệ để hỗ trợ sản xuất; được hỗ trợ vay vốn; tập huấn chuyên giao khoa học, kỹ thuật, dạy nghề nông thôn thông qua các chương trình khuyến công, khuyến nông, trao đổi kinh nghiệm làm ăn, xây dựng các mô hình điểm, hội thảo đầu bờ, CLB IPM và chương trình vốn vay ủy thác hộ nghèo, các chương trình, dự án quốc gia và các phong trào tiết kiệm, giúp nhau trong hội viên phụ nữ. Hằng năm, số lượt người được giải quyết việc làm dao động từ 28.000 đến 30.000 lao động (*Trong đó nữ chiếm khoảng 45 - 47%*). Tổng nguồn vốn do hội phụ nữ các cấp huy động đạt trên 1.800 tỷ đồng cho gần 40.000 hộ phụ nữ nghèo, cận nghèo vay; có 1.779 tổ nhóm tiết kiệm thu hút 67.185 chị tham gia đóng góp 48,770 triệu đồng hỗ trợ vốn cho trên 27.000 hội viên phụ nữ khó khăn vay. Để tạo điều kiện cho hội viên, phụ nữ được tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, tiếp cận với khoa học công nghệ, đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển của đất nước, hội các cấp đã phối hợp tổ chức 150 buổi tư vấn về kỹ năng tìm kiếm việc làm và cung cấp thông tin thị trường lao động cho người lao động; đào tạo nghề cho 92.810 lao động nữ.

⁶ Nghị quyết số 106/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ở trong nước thuộc tỉnh Lâm Đồng (*Chính sách chi trợ cấp đối với cán bộ, công chức nữ là 20.000 đồng/ngày/người, nữ người dân tộc thiểu số 25.000 đồng/ngày/người*).

⁷ Mô hình “*Hũ gạo tiết kiệm*”, “*Ông tre tiết kiệm*”, “*Thực hành tiết kiệm giúp nhau giảm nghèo bền vững*”, “*Giúp phụ nữ nghèo có địa chỉ*”, “*Tổ phụ nữ tiết kiệm giúp nhau mua bảo hiểm y tế*”, tổ hợp tác “*Chăn nuôi gà sạch*”, “*Sản xuất theo chuỗi giá trị cây Atisô*”, “*Vườn rau sạch trong hội viên tiểu thương*”, tổ tiết kiệm hùn vốn nuôi heo đất, Quỹ tiếp sức niềm tin,...

Các hoạt động hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, thành lập hợp tác xã, tổ liên kết do phụ nữ làm chủ được triển khai đồng bộ các giải pháp, nguồn lực, mở rộng tính kết nối, liên kết các chương trình, mô hình theo hướng hỗ trợ có điều kiện đã mang lại kết quả tích cực, phát huy được nội lực của hội viên, phụ nữ, tiềm năng, thế mạnh của từng địa phương và phù hợp với nhu cầu thực tiễn. Thực hiện Đề án “*Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp*” giai đoạn 2017 - 2025, các cấp hội phụ nữ trong tỉnh đã triển khai nhiều hoạt động, đa dạng hóa các hình thức hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, 292 ý tưởng tham gia Ngày Phụ nữ khởi nghiệp cấp tỉnh, giới thiệu 28 ý tưởng tham gia các cuộc thi sáng tạo khởi nghiệp do Trung ương Hội tổ chức; hỗ trợ 49 phụ nữ hiện thực hóa ý tưởng khởi nghiệp; 178 phụ nữ được hỗ trợ với tổng số tiền trên 1,7 tỷ đồng để khởi nghiệp. Hỗ trợ thành lập 07 Hợp tác xã; 73 tổ hợp tác và 26 tổ liên kết góp phần phát triển kinh tế tập thể theo chuỗi giá trị.

Đặc biệt trong 03 năm từ 2020 đến 2022, tình hình Covid -19 diễn biến phức tạp, tỉnh đã có nhiều chính sách hỗ trợ người lao động, trong đó có lao động nữ ổn định cuộc sống như: Tổ chức đón 429 thai phụ và thân nhân từ 11 tỉnh, thành phố khu vực phía Nam, 2.138 công dân thuộc nhóm ưu tiên từ các tỉnh, thành phố có nhu cầu về địa phương, hỗ trợ 194.723 đối tượng với số tiền là 255.777 triệu đồng.

Trong lĩnh vực giáo dục, lao động nữ đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Đội ngũ cán bộ nữ trong ngành giáo dục đã vươn lên, khẳng định vị thế của mình và đạt nhiều kết quả (*Tổng số cán bộ tham gia quản lý, lãnh đạo là 1.035/1.512 cán bộ, quản lý, chiếm tỷ lệ 68,4%*). Các trường học trong toàn ngành thường xuyên phổ biến thông tin và kiến thức về Bình đẳng giới, xóa bỏ định kiến giới trong chương trình môn học. Chú trọng việc cử cán bộ, giáo viên cốt cán nữ, đặc biệt là đội ngũ giáo viên nữ là người đồng bào dân tộc thiểu số làm công tác bình đẳng giới tham dự các khóa tập huấn, tuyên truyền về Bình đẳng giới, xóa bỏ định kiến giới, xóa bỏ bạo lực giới trong chương trình môn học, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới. Thực hiện tốt việc vận động trẻ em gái đi học, thực hiện phổ cập giáo dục chống mù chữ; tư vấn và vận động nữ sinh THCS và THPT sớm chọn ngành nghề phù hợp với năng lực của bản thân và nhu cầu phát triển thị trường lao động. Tỷ lệ đến trường trong độ tuổi của trẻ em gái vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở cấp mầm non, tiểu học và trung học cơ sở đạt 95% trở lên. Việc xây dựng chính sách đặc thù cho nữ giáo viên vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng đặc biệt khó khăn được quan tâm, nhằm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho nữ nhà giáo và người lao động; 95% số giáo viên, cán bộ nữ công tác ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được ở nhà công vụ.

Trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe đã có sự chuyển biến tích cực và bảo đảm cho phụ nữ thực hiện tốt chức năng sinh con, nuôi dạy con và tham gia hoạt động xã hội. Ngành Y tế phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ tổ chức các đợt tập huấn tăng cường công tác chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ nhằm giảm tỷ lệ bà mẹ tử vong, giảm tỷ lệ phá thai do kém hiểu biết, lựa chọn giới tính thai; phối hợp các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội triển khai chương trình mục tiêu quốc gia, đẩy mạnh phong trào chăm sóc sức khỏe nhân dân, chăm sóc sức khỏe phụ nữ; tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục phổ biến kiến thức về sức khỏe sinh sản, sức khỏe dinh dưỡng, sức khỏe vị thành niên, dân số kế hoạch hóa gia đình, phòng chống các bệnh xã hội, vệ sinh an toàn thực phẩm,... cho hơn 56.531 lượt hội viên

phụ nữ. Vận động phụ nữ mua thẻ BHYT khám, chữa bệnh, có trên 11.690 hội viên phụ nữ được cấp thẻ BHYT.

Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch thường xuyên hướng dẫn các địa phương rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy ước, Hương ước đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới. Đưa nội dung phòng, chống bạo lực gia đình; bình đẳng giới trở thành một trong những tiêu chí quan trọng để bình xét công nhận danh hiệu Gia đình văn hóa; thôn, tổ dân phố văn hóa; xã, phường, thị trấn đạt chuẩn văn hóa; cơ quan, đơn vị văn hóa. Tổ chức các hoạt động truyền thông bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực gia đình nhân Ngày Quốc tế hạnh phúc (20/3), Ngày Gia đình Việt Nam (28/6), Ngày Thế giới xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ (25/11); triển khai thực hiện Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình trên địa bàn tỉnh.

Hội Liên hiệp Phụ nữ, Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ các cấp đã phát huy vai trò, tính năng động, sáng tạo trong tham mưu, đề xuất với cấp ủy đảng, chính quyền về chủ trương, chính sách liên quan đến phụ nữ. Với phương châm *“Ở đâu có phụ nữ, ở đó có phong trào hội”*, hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp đã phát huy tốt vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ trong bảo vệ quyền và lợi ích của phụ nữ; đa dạng hóa các hình thức tập hợp phụ nữ, xây dựng nhiều mô hình, đề án thiết thực, phù hợp với yêu cầu thực tế, không ngừng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, hướng hoạt động về cơ sở, địa bàn dân cư, tổ chức nhiều hoạt động thiết thực, hiệu quả, tiêu biểu là: Phối hợp tổ chức tốt công tác tuyên truyền, vận động phụ nữ nâng cao trách nhiệm công dân, thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước. Thực hiện tốt các quy chế phối hợp công tác, chủ động tham mưu, tham gia tích cực các hoạt động kiểm tra, giám sát chính sách bình đẳng giới, nâng cao chất lượng phản biện, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng hợp pháp của phụ nữ, trẻ em. Tích cực vào cuộc, kịp thời lên tiếng, tham gia phối hợp giải quyết theo Quy chế liên ngành của tỉnh và giám sát các vụ việc bạo lực gia đình, xâm hại đối với phụ nữ và trẻ em xảy ra trên địa bàn, nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ và trẻ em. Chủ động khai thác nguồn lực, nâng cao trách nhiệm quản lý, hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế gia đình, tích cực tham gia các hoạt động xóa đói, giảm nghèo, góp phần thực hiện tốt chương trình giảm nghèo nhanh, bền vững của tỉnh. Tổ chức các hoạt động giáo dục gia đình, nâng cao kỹ năng quản lý, giáo dục gia đình cho phụ nữ; đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, phấn đấu thực hiện gia đình *“5 không, 3 sạch”*, tham gia tích cực chương trình xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

2.2. Xây dựng người phụ nữ Việt Nam phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới

Công tác phát triển nguồn nhân lực nữ chất lượng cao được quan tâm đầu tư. Trình độ, năng lực cán bộ khoa học nữ, cán bộ lãnh đạo quản lý nữ được nâng lên, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Đội ngũ nữ trí thức tiếp tục tăng cả về số lượng, chất lượng và được trẻ hoá, tham gia ngày càng chủ động, tích cực vào các hoạt động khoa học công nghệ, nhiều công trình nghiên cứu cấp tỉnh do phụ nữ làm chủ đề tài đã đóng góp cơ sở khoa học cho việc hoạch định chính sách, ứng dụng vào sản xuất và hoạt động thực tiễn, đem lại lợi ích kinh tế - xã hội trên nhiều lĩnh vực. Nhìn chung, công tác phát triển nguồn nhân lực nữ chất lượng cao, cán bộ lãnh

đạo, quản lý nữ được các cấp, các ngành quan tâm, đầu tư, từ đó từng bước hình thành được đội ngũ cán bộ nữ ở tất cả các cấp cơ bản đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp phối hợp với các ban, ngành quan tâm chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng cho phụ nữ; tổ chức các phong trào thi đua, cuộc vận động trong hội viên phụ nữ. Vận động phụ nữ không ngừng học tập, sáng tạo đi đôi với việc xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, nhất là ở vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào tôn giáo, phụ nữ dân tộc thiểu số; hỗ trợ tạo điều kiện cho phụ nữ tham gia học tập, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị; kịp thời giải quyết, hỗ trợ giống vốn, thông tin kỹ thuật; tăng cường đầu tư ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; đẩy mạnh chương trình giảm nghèo nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho phụ nữ; quan tâm hỗ trợ phụ nữ nghèo, phụ nữ dân tộc thiểu số, phụ nữ đơn thân, tàn tật thông qua chương trình giảm nghèo, các đề án, dự án; tổ chức các lớp tập huấn nâng cao kiến thức kỹ năng cho phụ nữ về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, phòng chống mại dâm, ma túy, phổ cập giáo dục tiểu học, phòng, chống suy dinh dưỡng, phòng, chống xâm hại tình dục trẻ em, buôn bán phụ nữ và trẻ em, vệ sinh an toàn thực phẩm; vận động phụ nữ thực hiện nếp sống văn minh, đấu tranh xóa bỏ hủ tục, tập quán lạc hậu trong hôn nhân gia đình, thực hiện tốt chính sách kế hoạch hóa gia đình, giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng.

Các hoạt động hỗ trợ phụ nữ xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc; xây dựng phụ nữ Lâm Đồng có sức khỏe, tri thức, kỹ năng nghề nghiệp, năng động sáng tạo, có lối sống văn hoá, có lòng nhân hậu được triển khai tổ chức thực hiện thông qua các cuộc vận động, các phong trào thi đua trong các cấp hội phụ nữ.

Thông qua cuộc vận động *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”*, *“Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”*, phong trào thi đua *“Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc”* đã tiếp tục lan tỏa trong xã hội và các tầng lớp phụ nữ, góp phần định hướng tuyên truyền xây dựng người phụ nữ Việt Nam có sức khỏe, tri thức, kỹ năng nghề nghiệp, năng động, sáng tạo, có lối sống văn hóa, có lòng nhân hậu. Hằng năm, số lượng phụ nữ được bình xét đạt tiêu chuẩn luôn cao hơn năm trước. Đến nay, có trên 130.000 hội viên đạt 03 tiêu chuẩn (*Chiếm 83%*), có trên 80.000 phụ nữ đạt danh hiệu *“Phụ nữ xuất sắc 5 năm”*.

Với vai trò là thành viên của Tổ hòa giải ở cơ sở, cán bộ chi, tổ hội, hội viên nòng cốt đã trực tiếp tham gia hòa giải hơn 12.300 vụ liên quan đến hôn nhân và gia đình. Qua đó, kịp thời giải quyết các tranh chấp, mâu thuẫn, góp phần xây dựng hạnh phúc trong từng gia đình, xây dựng tình làng nghĩa xóm, xã hội hòa hợp, yên vui; phát huy tinh thần tương thân, tương ái và góp phần nâng cao ý thức pháp luật, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong cộng đồng dân cư, đồng thời bảo vệ quyền lợi chính đáng cho hội viên, phụ nữ.

Công tác vận động, hỗ trợ phụ nữ xây dựng gia đình được chỉ đạo, triển khai theo hướng tập trung đề xuất tạo cơ chế, chính sách, mở rộng huy động các nguồn lực xã hội. Đề án *“Tuyên truyền, giáo dục, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giải*

quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ giai đoạn 2017 - 2027” (Đề án 938) với các hoạt động tuyên truyền, cung cấp kiến thức, kỹ năng tổ chức cuộc sống gia đình, giáo dục tiền hôn nhân, chăm sóc, nuôi dạy trẻ em, thực hiện chính sách dân số,... ngày càng thực chất. Các mô hình xây dựng gia đình hạnh phúc được nhân rộng và phát huy hiệu quả như: Mô hình, câu lạc bộ “*Gia đình hạnh phúc*”, CLB “*Không sinh con thứ 3*”, CLB “*Xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững*”, CLB “*Nuôi con bằng sữa mẹ*”, mô hình “*Cha mẹ chăm sóc và phát triển trẻ thơ*”, “*Nuôi dạy con tốt*”, “*Giáo dục kỹ năng sống cho vị thành niên*”... Qua đó, tập trung tuyên truyền, cung cấp kiến thức cho các bà mẹ, ông bố có con dưới 16 tuổi và phụ nữ mang thai về kỹ năng nuôi, dạy con tốt, kỹ năng sống cho trẻ vị thành niên, phòng, chống mua bán người và xâm hại phụ nữ trẻ em, phòng, chống bạo lực gia đình, phòng chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống thu hút hàng ngàn chị em phụ nữ và học sinh tham gia.

Cuộc vận động “*Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch*” đóng góp đáng kể vào việc thực hiện 13/19 tiêu chí của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; các cấp hội đã chủ động đăng ký, đảm nhận các tiêu chí phù hợp với thực tế. Đáng chú ý, các tiêu chí “*3 sạch*” gắn với hàng nghìn công trình/phần việc bảo vệ môi trường do các chi hội/tổ phụ nữ đảm nhiệm⁸ được triển khai rộng khắp, làm thay đổi bộ mặt nông thôn và khẳng định vai trò của tổ chức Hội.

Các cấp hội tích cực vận động hội viên phụ nữ thực hiện nếp sống văn minh, tham các hoạt động xã hội, từ thiện “*Uống nước nhớ nguồn*”, “*Áo ấm tặng mẹ, áo lụa tặng bà*”, “*Đền ơn, đáp nghĩa*”, “*Nhân đạo từ thiện*” tiếp tục được khơi dậy mạnh mẽ. Chương trình “*Đồng hành cùng phụ nữ biên cương*”, “*90 hành động vì an toàn cho phụ nữ và trẻ em*” trở thành điểm nhấn sáng tạo, có sức lan tỏa tích cực, nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình của hội viên, phụ nữ, sự ủng hộ mạnh mẽ của cộng đồng, khẳng định sáng kiến và vai trò kết nối của Hội trong các chương trình an sinh xã hội. Trong 05 năm, các cấp hội đã vận động trên 7,1 tỷ đồng để chăm lo các gia đình chính sách, gia đình có con em đang làm nhiệm vụ nơi biên giới, hải đảo; thăm hỏi kịp thời các gia đình bị ảnh hưởng của thiên tai, hoạn nạn; phụ nữ, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; vận động xây dựng, sửa chữa 187 mái ấm tình thương cho phụ nữ nghèo trị giá gần 8 tỷ đồng.

Trước ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh Covid-19 và thiên tai, các cấp hội đã nỗ lực vượt khó, bám sát địa bàn triển khai hoạt động hội, chủ động quan tâm chăm lo sức khỏe và đời sống cho hội viên, phụ nữ. Đồng thời, huy động sự tham gia nhiệt tình và đầy trách nhiệm của phụ nữ vào các hoạt động phòng chống dịch và phòng chống thiên tai ngay tại cộng đồng theo phương châm “*4 tại chỗ*”. Các chương trình thiết thực như: “*Triệu phần quà san sẻ yêu thương*”, “*Mẹ đỡ đầu*”,... góp phần huy động sức người, sức của cho cuộc chiến phòng chống dịch bệnh, thiên tai.

2.3. Công tác cán bộ nữ

Trong những năm gần đây, công tác cán bộ nữ trên địa bàn tỉnh có nhiều

⁸ Nhiều mô hình đã phát huy hiệu quả như: mô hình tổ phụ nữ “*Thu gom vỏ chai và bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng*”, “*Nói không với rác thải nhựa*”, mô hình “*Vì cuộc sống xanh - thân thiện với môi trường*”, mô hình “*Phụ nữ sống xanh*”,...

chuyên biến tích cực, cán bộ nữ ngày càng đáp ứng tốt hơn yêu cầu và nhiệm vụ trong tình hình mới. Các cấp ủy đảng chú trọng đổi mới tất cả các khâu trong công tác cán bộ nói chung và công tác cán bộ nữ nói riêng; thường xuyên rà soát quy hoạch; điều động, luân chuyển, phân công, bổ nhiệm cán bộ nữ ở cấp tỉnh và huyện phù hợp với quy định hiện hành; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ, tạo môi trường rèn luyện, giới thiệu cán bộ nữ cho hệ thống chính trị, tạo động lực phân đấu cho đội ngũ cán bộ nữ. Các văn bản hướng dẫn của Tỉnh ủy về công tác cán bộ đã từng bước hoàn thiện các quy định về công tác cán bộ bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giữa nam và nữ về độ tuổi trong quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, luân chuyển đối với một số nhóm phụ nữ giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý phù hợp trong từng giai đoạn đảm bảo theo quy định của Trung ương.

Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, đề bạt cán bộ nữ có chuyên biến tích cực. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý nữ được tăng cường cả về số lượng và chất lượng. Hiện nay, cán bộ, công chức, viên chức nữ của tỉnh là 17.977/29.631 CBCCVC (*Chiếm 60,67%*). Trong đó có 1.705 nữ cán bộ, công chức các cấp và 16.272 nữ viên chức⁹. Trong những năm gần đây đội ngũ cán bộ nữ của tỉnh ngày càng trưởng thành, tăng cả về số lượng và chất lượng.

Tỷ lệ nữ cán bộ tham gia quản lý, lãnh đạo ở các cấp có nhiều chuyên biến tích cực; số lượng cán bộ nữ đưa vào quy hoạch ngày càng tăng, phần lớn cán bộ nữ quy hoạch đều được đào tạo đạt chuẩn về chuyên môn, lý luận chính trị, có phẩm chất đạo đức và năng lực công tác. Công tác quy hoạch cán bộ nữ được thực hiện theo đúng quy trình, quy định, đảm bảo tỷ lệ cán bộ nữ vào nguồn quy hoạch cấp ủy các cấp. Việc tổ chức rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đội ngũ cán bộ nữ lãnh đạo được thực hiện thường xuyên và định kỳ, tăng tỷ lệ cán bộ nữ ở các cấp, cán bộ nữ là người đồng bào dân tộc thiểu số¹⁰.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cán bộ nữ theo tiêu chuẩn, chức danh, yêu cầu công việc được mở rộng về quy mô; đa dạng về hình thức như: Đào tạo, bồi dưỡng qua thực tiễn, hướng dẫn kèm cặp, đào tạo trực tuyến, cung cấp các kiến thức nghiệp vụ, kỹ năng hỗ trợ cho cán bộ nữ; chú trọng về chất lượng và đạt được nhiều kết quả. Từ năm 2018 đến nay, toàn tỉnh đã đào tạo, bồi dưỡng cho gần 9.800 /21.400 nữ cán bộ, công chức, viên chức (*Chiếm 45,79%*).

Công tác đề bạt, bổ nhiệm cán bộ nữ, nhất là cán bộ nữ chủ chốt được quan tâm thực hiện ở cả 3 cấp. Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy đảng các cấp nhiệm kỳ nhiệm kỳ 2015 - 2020 là 592/3.534 đồng chí, chiếm tỷ lệ 16,7%; nhiệm kỳ 2020 - 2025 là

⁹ Trong đó, CBCC nữ cấp tỉnh là 305/1.130 (*Chiếm tỷ lệ 26,99%*), cấp huyện là 428/1.097 (*Chiếm tỷ lệ 39,02%*); viên chức nữ là 16.272/24.566 (*Chiếm tỷ lệ 66,24%*).

¹⁰ Trong 02 nhiệm kỳ từ năm 2015 - 2025, Quy hoạch nữ Ban Chấp hành Đảng bộ cấp tỉnh lần lượt là 27/90 (30,0%) và 12/64 (18,8%); Quy hoạch nữ Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần lượt là 5/24 (20,8%) và 3/18 (16,7%); Quy hoạch chức danh trưởng, phó các sở, ban, ngành, MTTQ, đoàn thể cấp tỉnh lần lượt là 69/278 (24,8%) và 56/391 (14,3%); Quy hoạch nữ Ban Chấp hành Đảng bộ cấp huyện lần lượt là 227/1.054 (21,5%) và 266/1.003 (26,5%); Quy hoạch nữ ban thường vụ cấp huyện lần lượt là 44/328 (13,4%) và 62/320 (19,3%); Quy hoạch chức danh trưởng, phó phòng ban, ngành, MTTQ, đoàn thể cấp huyện lần lượt là 441/2.154 (20,5%) và 563/2.040 (27,6%); Quy hoạch nữ Ban Chấp hành Đảng bộ xã và tương đương lần lượt là 847/3.301 (25,6%) và 1.016/3.346 (30,3%); Quy hoạch nữ Ban Thường vụ Đảng ủy xã và tương đương lần lượt là 167/1.024 (16,3%), 214/946 (22,6%).

642/3.916 đồng chí, chiếm tỷ lệ 16,4%¹¹. Tỷ lệ nữ tham gia đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tăng qua các nhiệm kỳ (*Nhiệm kỳ 2016 - 2021 có 1.205/4.607 đại biểu nữ*¹², chiếm 26,16%; *nhiệm kỳ 2021 - 2026 có 1.032/3.812 đại biểu nữ*¹³, chiếm 27,07%). Tỷ lệ nữ lãnh đạo các sở, phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp tỉnh giai đoạn 2015 - 2020 là 135/646 đồng chí, chiếm tỷ lệ 20,9%; giai đoạn 2020 - 2025 là 136/646 đồng chí, chiếm tỷ lệ 21,1%. Tỷ lệ nữ cán bộ, công chức, viên chức ngày càng tăng¹⁴.

Công tác phát triển đảng viên nữ được chú trọng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo cho các thành ủy, huyện ủy và đảng ủy trực thuộc tiến hành điều tra, khảo sát, xây dựng và triển khai thực hiện công tác phát triển đảng viên nữ, nhất là ở các chi bộ, đảng bộ cơ sở tạo nguồn phát triển đảng viên nữ, đặc biệt quan tâm các địa phương vùng khó khăn, vùng đồng bào tôn giáo, dân tộc thiểu số. Trong 05 năm, toàn tỉnh phát triển mới trên 1.000 đảng viên nữ.

2.4. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đối với tổ chức và hoạt động của hội Liên hiệp Phụ nữ

Các cấp ủy đảng thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện việc đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, trong đó có hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp. Kịp thời chỉ đạo các ban, ngành, địa phương phối hợp chặt chẽ, tạo điều kiện thuận lợi để MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội nói chung và hội Liên hiệp Phụ nữ nói riêng thực hiện tốt công tác giám sát và phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền theo Quyết định 217-QĐ/TW và Quyết định 218-QĐ/TW của Bộ Chính trị. Hoạt động giám sát, phản biện của các cấp hội đi vào nền nếp và ngày càng thực chất, chú trọng theo dõi kết quả thực hiện kiến nghị, đề xuất sau giám sát, phản biện. Hằng năm, các cấp hội chủ động hiệp thương các nội dung giám sát với MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội¹⁵; tham gia các đoàn giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp. Công tác phản biện xã hội đối với các dự thảo chính sách, pháp luật ngày càng có chất lượng, dựa trên cơ sở thực tiễn, tham vấn các đối tượng hưởng lợi hoặc bị tác động. Các cấp ủy đảng chỉ đạo các cấp hội tổ chức cho hội viên, phụ nữ tham gia thảo luận, kiến nghị các vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của người dân; tham gia đóng góp ý kiến vào dự thảo văn kiện Đại hội Đảng các cấp; vận động hội viên, phụ nữ tham gia có chất lượng các cuộc họp dân cư, tiếp

¹¹ Trong nhiệm kỳ 2015 - 2020, ủy viên nữ cấp cơ sở là 498/2.883 đồng chí, cấp huyện là 84/597 đồng chí, cấp tỉnh là 10/54 đồng chí. Trong nhiệm kỳ 2020 - 2025 ủy viên nữ cấp cơ sở là 561/3.364 đồng chí, cấp huyện là 76/501 đồng chí, cấp tỉnh là 5/51 đồng chí.

¹² Đại biểu HĐND: Cấp tỉnh có 25/73 đại biểu nữ; cấp huyện có 101/428 đại biểu nữ; cấp xã có 1.079/4.103 đại biểu nữ.

¹³ Đại biểu HĐND: Cấp tỉnh có 23/66 đại biểu nữ; cấp huyện có 101/396 đại biểu nữ; cấp xã có 899/3.350 đại biểu nữ.

¹⁴ Hiện nay, có 733/2.227 nữ công chức cấp tỉnh, huyện, 16.272/24.566 viên chức cấp tỉnh, huyện và 972/2.838 công chức nữ cấp xã.

¹⁵ Hằng năm, các cấp hội lựa chọn giám sát từ 1 - 2 chính sách, pháp luật liên quan đến những vấn đề về phụ nữ và trẻ em như: Việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW; giám sát việc thực hiện Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân; việc đảm bảo bình đẳng giới trong thực hiện chính sách dân số trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số; giám sát nội dung số 7, mục 9 về cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” trong xây dựng nông thôn mới theo Quyết định 1600/TTg của Thủ tướng Chính phủ; việc thực hiện các quy định pháp luật vệ sinh an toàn thực phẩm; việc hỗ trợ phụ nữ dân tộc phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo bình đẳng giới; giám sát việc thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19,...

xúc cử tri của đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026. Từ đó, nhiều kiến nghị xác đáng, có căn cứ thực tiễn đã được giải quyết bằng các chính sách, biện pháp cụ thể của địa phương. Từ năm 2018 đến nay, các cấp hội đã giám sát, phối hợp giám sát được 740 lượt chính sách liên quan đến tổ chức hội, phụ nữ, trẻ em, bình đẳng giới, an sinh xã hội; tham mưu tổ chức gần 180 cuộc đối thoại với người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với hội viên, phụ nữ để nắm bắt kịp thời những bức xúc, kiến nghị chính đáng của hội viên, phụ nữ¹⁶. Tham gia góp ý 796 dự thảo văn bản có liên quan đến quyền và lợi ích của phụ nữ. Ngoài ra, hội Phụ nữ đã chọn, cử, giới thiệu cán bộ hội có trình độ, kỹ năng tham gia làm hội thẩm tòa án nhân dân các cấp và là tuyên truyền viên, cộng tác viên tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý cho phụ nữ; qua đó, khẳng định tiếng nói, vị thế, vai trò của tổ chức hội trong hệ thống chính trị, trong đời sống xã hội.

Hội Liên hiệp Phụ nữ, Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ các cấp đã phát huy vai trò, tính năng động, sáng tạo trong tham mưu, đề xuất với cấp ủy đảng, chính quyền về chủ trương, chính sách liên quan đến phụ nữ. Thực hiện khâu đột phá “*Nâng cao chất lượng tổ chức và hoạt động hội cơ sở; đa dạng hóa các hình thức tập hợp phụ nữ; phát huy quyền làm chủ của hội viên phụ nữ*”, với phương châm “*Ở đâu có phụ nữ, ở đó có phong trào hội*”, các cấp hội đổi mới hình thức sinh hoạt, chuyển đổi cách tiếp cận, đa dạng hóa các hoạt động để đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của các đối tượng, thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số và đại dịch Covid-19; củng cố các cơ sở có tỷ lệ dưới 50% phụ nữ tham gia hoạt động hội; duy trì các mô hình tập hợp hội viên theo địa bàn dân cư, đối tượng, đồng thời mở rộng hoạt động các tổ, nhóm, câu lạc bộ theo đặc thù lứa tuổi, sở thích, ngành nghề, dân tộc, tôn giáo, hoạt động thiện nguyện.

Các cấp hội phối hợp với các cấp công đoàn, các cấp bộ đoàn tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền pháp luật, giáo dục phẩm chất, trang bị kỹ năng tổ chức cuộc sống gia đình, hỗ trợ chăm lo đời sống cho nữ công nhân, viên chức, lao động, nữ thanh niên.

Công tác phát triển hội viên được các cấp hội chú trọng. Hiện nay, tổng số hội viên trong toàn tỉnh là 166.172 hội viên, tỷ lệ hội viên tham gia sinh hoạt đạt trên 81%; toàn tỉnh có 157 tổ chức cơ sở hội với hơn 300 cán bộ cơ sở; xây dựng hơn 41.400 hội viên nòng cốt và 5.755 cốt cán (*Trong đó cốt cán là người dân tộc thiểu số là 1.437 chi*). Công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động của các cấp hội được thực hiện thường xuyên, kịp thời củng cố các tổ chức hội yếu kém; công tác phát động và nhân rộng những mô hình, điển hình được chú trọng; chất lượng tổ chức hội, cán bộ, hội viên ngày càng được nâng lên.

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (*khóa XII*) về “*Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*”, Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị “*Về việc sắp xếp các đơn*

¹⁶ Năm 2019, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh với hội viên phụ nữ; tại Hội nghị, Thường trực Tỉnh ủy đã chỉ đạo trực tiếp những giải pháp tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác phụ nữ trong tình hình mới, những vấn đề về an toàn cho phụ nữ và trẻ em, hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, đồng thời chỉ đạo các cấp, các ngành giải quyết những khó khăn, vướng mắc của hội viên phụ nữ.

vị hành chính cấp huyện và xã”, bộ máy cơ quan chuyên trách hội các cấp được củng cố kiện toàn, tinh gọn: Cấp tỉnh, huyện cơ bản thực hiện theo Quy định số 212-QĐ/TW, ngày 30/12/2019 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế cơ quan chuyên trách của Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện, giảm tổng số đầu mối trực thuộc cơ quan chuyên trách cấp tỉnh từ 06 xuống còn 03 ban với 18 cán bộ, công chức. Cơ quan chuyên trách hội các cấp cải tiến lề lối làm việc, tăng cường đi cơ sở, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin; quyết liệt chỉ đạo và triển khai kế hoạch đồng bộ, thống nhất, đảm bảo tính khả thi. Chú trọng phát hiện và tập trung nguồn lực để giải quyết các vấn đề mới khó, tác động đến công tác hội và phong trào phụ nữ.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hội được đổi mới. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng qua thực tiễn, hướng dẫn kèm cặp, cung cấp các kiến thức nghiệp vụ, kỹ năng hỗ trợ cho cán bộ hội các cấp. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh chủ động triển khai Đề án “*Bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ, công chức hội các cấp và chi hội trưởng giai đoạn 2019 - 2025*” góp phần quan trọng nâng cao năng lực cán bộ hội các cấp, đặc biệt là cấp cơ sở; đội ngũ cán bộ hội được đảm bảo cơ bản về cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn chức danh, từng bước đáp ứng vị trí việc làm, yêu cầu công việc. Trong vòng 05 năm, hội đã phối hợp tập huấn nghiệp vụ công tác phụ nữ cho trên 6.000 lượt cán bộ hội các cấp.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Nhìn chung, cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đều quan tâm, chỉ đạo sâu sát lồng ghép các nội dung công tác cán bộ nữ, công tác vì sự tiến bộ phụ nữ vào các chương trình, kế hoạch của địa phương, đơn vị; trong đó xác định công tác cán bộ nữ là nhiệm vụ quan trọng, lâu dài trong chiến lược cán bộ của tỉnh, tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo, từng bước giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị; vận dụng sáng tạo, linh hoạt, tạo điều kiện về cơ chế chính sách cho cán bộ nữ, chú trọng đến công tác quy hoạch, đào tạo, đề bạt, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử đối với cán bộ nữ, tỷ lệ cán bộ nữ được cơ cấu trong cấp ủy, cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp đa số đạt, vượt chỉ tiêu đề ra; phân công theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai, tổ chức thực hiện, tạo bước chuyển biến về công tác phụ nữ ở từng ngành, địa phương, đơn vị, góp phần thực hiện đạt, vượt chỉ tiêu của Chiến lược, Chương trình quốc gia về bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011 - 2020.

Các cấp hội bám sát nội dung lãnh đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, của cấp ủy và hội cấp trên, giữ vững vai trò nòng cốt trong phong trào, hoạt động của các tầng lớp phụ nữ; bám sát chức năng của hội, nhiệm vụ chính trị của địa phương; chủ động, linh hoạt phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể để hoàn thành nhiệm vụ được giao; phát huy vai trò nòng cốt trong công tác phụ nữ và bình đẳng giới; sáng tạo, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, có nhiều nội dung thiết thực, chăm lo, bảo vệ phụ nữ cơ bản đáp ứng nhu cầu, tình cảm, nguyện vọng của đông đảo phụ nữ, tập hợp các giới tham gia xây dựng tổ chức hội vững mạnh, đóng góp các nguồn lực chăm lo cho hội viên, phụ nữ khó khăn, nhất là trong công tác phòng, chống dịch Covid-19, góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế, văn

hóa, xã hội của tỉnh.

2. Hạn chế

Tuy tỷ lệ cán bộ nữ tham gia cấp ủy, Hội đồng nhân dân các cấp có tăng so với nhiệm kỳ trước nhưng có nơi vẫn còn thấp so với yêu cầu đề ra. Việc cụ thể hóa chủ trương của Đảng, Nhà nước trong một số lĩnh vực, đối tượng phụ nữ của hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp còn chậm, chưa tạo được chuyển biến căn bản trong nhận thức và hành động bảo vệ an toàn cho phụ nữ và trẻ em. Ở một số nơi, cách thức tổ chức các phong trào thi đua, cuộc vận động chưa hấp dẫn, thiết thực đối với phụ nữ, còn biểu hiện hình thức. Công tác tuyên truyền, giáo dục, xây dựng người phụ nữ phát triển toàn diện chưa đáp ứng được yêu cầu của xã hội và phụ nữ. Công tác nắm bắt tình hình, tư tưởng, đời sống, việc làm của hội viên, phụ nữ tại một số địa phương chưa kịp thời, sâu sát. Hiệu quả công tác giám sát và phản biện xã hội còn chưa được như kỳ vọng. Một số mô hình hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, phát triển kinh tế nhất là kinh tế hợp tác chưa thực sự bền vững. Tỷ lệ tập hợp, thu hút hội viên ở một số khu vực còn thấp nhưng hội chưa có các giải pháp kịp thời, hiệu quả; còn gặp khó khăn trong tập hợp một số nhóm phụ nữ; chưa thực sự phát huy được thể mạnh của Hội Nữ trí thức và Hiệp hội Nữ doanh nhân Việt Nam.

3. Nguyên nhân

Một số văn bản, chính sách, pháp luật liên quan đến phụ nữ, bình đẳng giới còn thiếu đồng bộ, chưa đảm bảo lồng ghép vấn đề bình đẳng giới. Một số cấp ủy, cơ quan, đơn vị chưa thực sự quan tâm tạo nguồn cán bộ nữ.

Một số cán bộ chưa bắt kịp với sự phát triển của xã hội và nhu cầu của phụ nữ, chậm thích ứng với những thay đổi về tổ chức, bộ máy; năng lực phát hiện vấn đề, kỹ năng giám sát, phản biện xã hội còn hạn chế.

Sự phát triển của kinh tế thị trường, thiên tai, dịch bệnh đã tác động không nhỏ đến nhận thức, lối sống, chất lượng cuộc sống của phụ nữ, mối quan hệ gia đình. Một bộ phận phụ nữ còn tự ti, an phận, thiếu ý chí vươn lên.

Phần thứ hai

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỜI GIẠN TỚI

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH TÁC ĐỘNG ĐẾN CÔNG TÁC PHỤ NỮ TRONG THỜI GIẠN TỚI

Bối cảnh quốc tế và trong nước tạo ra nhiều cơ hội cho phụ nữ và công tác phụ nữ. Vấn đề phụ nữ, bình đẳng giới tiếp tục là mối quan tâm chung của toàn xã hội; những chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong phát triển đất nước, hội nhập quốc tế sẽ tạo ra nhiều cơ hội để phụ nữ ngày càng khẳng định vai trò, vị trí của mình. Đời sống vật chất và tinh thần của phụ nữ được quan tâm, cải thiện hơn. Khoa học, kỹ thuật phát triển sẽ tạo ra nhiều việc làm, dịch vụ mới, giải phóng phụ nữ khỏi nhiều ngành nghề lao động nặng nhọc, độc hại, giảm nhẹ công việc gia đình. Nhiều quan niệm lạc hậu, phân biệt đối xử, rào cản đối với sự phát triển của phụ nữ sẽ dần được xóa bỏ. Phụ nữ sẽ ngày càng chủ động, tự tin hơn trong tham gia các hoạt động xã hội, cộng đồng và xã hội.

Cấp ủy, chính quyền các cấp trong tỉnh có nhiều chủ trương, chính sách, chỉ đạo khơi dậy tiềm năng sáng tạo, thúc đẩy kinh tế tăng trưởng, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của phụ nữ. Phụ nữ Lâm Đồng có những phẩm chất đáng quý của người phụ nữ như “*Tự tin, tự trọng, trung hậu, đảm đang*”, cần cù, chịu khó và tôn trọng kỷ luật, sống có trách nhiệm với gia đình, xã hội, có ý chí vươn lên.

Tuy nhiên, hiện nay khoảng cách giàu nghèo gia tăng và mức độ thụ hưởng các thành quả kinh tế - xã hội giữa các nhóm phụ nữ không đồng đều nhất là phụ nữ ở vùng sâu, vùng xa, phụ nữ là người dân tộc thiểu số, phụ nữ khuyết tật, đơn thân, cao tuổi, lao động nữ di cư, chuyển đổi nghề. Nhiều vấn đề xã hội ảnh hưởng tiêu cực đến phụ nữ cần tiếp tục quan tâm như: Đói nghèo, biến đổi khí hậu, bạo lực gia đình, ma túy, mại dâm, đặc biệt là các vụ việc xâm hại, bạo lực với phụ nữ, trẻ em ngày càng tinh vi, phức tạp, nghiêm trọng. Sự gia tăng các loại tội phạm mới, tội phạm công nghệ cao đang đe dọa đến sự an toàn của phụ nữ và trẻ em.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng tiếp tục tăng cường lãnh đạo chính quyền, MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm Chỉ thị số 21-CT/TW của Ban Bí thư; Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và Chương trình hành động số 39-CTr/TU của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW và các văn bản có liên quan về công tác phụ nữ trong tình hình mới.

2. Chỉ đạo quan tâm tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển toàn diện, thực hiện hiệu quả công tác cán bộ nữ, tạo nguồn cán bộ nữ chất lượng cao; bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giữa nam và nữ trong các khâu công tác cán bộ, nhất là quy hoạch, đào tạo, đề bạt, bổ nhiệm... Tiếp tục quan tâm công tác tạo nguồn, phát triển đảng viên nữ. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị cho cán bộ làm công tác hội phụ nữ các cấp, nhất là cấp cơ sở để có đủ kiến thức, kỹ năng vận dụng vào thực tiễn.

3. Tiếp tục triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới, Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn 2030; Nghị định số 56/2012/NĐ-CP, ngày 16/7/2012 của Chính phủ quy định trách nhiệm của bộ, ngành, ủy ban nhân dân các cấp trong việc bảo đảm cho các cấp hội Liên hiệp Phụ nữ tham gia quản lý nhà nước. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong thực hiện chính sách, pháp luật liên quan đến phụ nữ, giới và bình đẳng giới. Rà soát, đánh giá hiệu quả các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án hiện hành liên quan đến công tác phụ nữ trên địa bàn tỉnh, kịp thời điều chỉnh, bổ sung, ban hành chủ trương, chính sách phù hợp với tình hình mới.

4. Ủy ban MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng các cấp tiếp tục phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện tốt Chỉ thị số 21-CT/TW của Ban Bí thư và các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác phụ nữ. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội trong thực hiện cơ chế, chính sách về phụ nữ, giới và bình đẳng giới.

5. Các cấp hội phụ nữ tăng cường xây dựng, củng cố tổ chức hội thật sự vững mạnh toàn diện, chú trọng phát triển hội viên mới gắn với nâng cao chất lượng hội viên. Chủ động tham mưu cấp ủy, chính quyền về công tác phụ nữ; công tác phát triển đảng viên nữ, nhất là phát triển đảng viên nữ ở cơ sở, thôn, tổ dân phố. Phát huy vai trò của hội Liên hiệp Phụ nữ, công đoàn, Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ các cấp trong giám sát thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách liên quan đến quyền và lợi ích chính đáng của phụ nữ; thực hiện tốt chức năng phản biện xã hội; tham gia đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

Đổi mới mạnh mẽ, toàn diện tổ chức, nội dung và phương thức hoạt động của các cấp hội phù hợp với vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ trong tình hình mới; đồng thời, bám sát yêu cầu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nhu cầu thiết thực của các tầng lớp phụ nữ để tham mưu cho cấp ủy, phối hợp với chính quyền và các lực lượng trong xã hội tập trung giải quyết những vấn đề đặt ra của phụ nữ và công tác phụ nữ.

Chủ động nghiên cứu tham mưu, đề xuất, giám sát và phản biện xã hội về các chính sách liên quan đến phụ nữ, gia đình và trẻ em; nâng cao trình độ, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho phụ nữ. Đa dạng hóa các hình thức tập hợp các đối tượng phụ nữ, phát triển hội viên, chú trọng nữ trí thức, doanh nhân, phụ nữ cao tuổi, phụ nữ dân tộc, tôn giáo, nữ thanh niên,... Hướng mạnh hoạt động về cơ sở với phương châm *“Ở đâu có phụ nữ, ở đó có hoạt động hội”*. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động các phong trào, các cuộc vận động, đẩy mạnh phong trào thi đua *“Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng và hạnh phúc”* gắn với việc *“Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”* và cuộc vận động *“Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”*.

Nơi nhận:

- Ban Dân vận Trung ương (Hà Nội và T78),
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND, lãnh đạo UBND tỉnh,
- Các đồng chí UVBTVTU,
- Các ban của Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, TH4.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

Trần Đình Văn

PHỤ LỤC 1
Các văn bản, đề án triển khai thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW

1. Các văn bản

TT	Loại văn bản	Số hiệu văn bản	Thời gian ban hành	Trích yếu nội dung văn bản
1	Công văn	2405-CV/TU	28/3/2018	Về triển khai thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW, ngày 20/01/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới.
2	Công văn	1944/UBND-VX2	06/4/2018	Về triển khai thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW, ngày 20/01/2018 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới.
3	Quyết định	1073/QĐ-UBND	08/6/2018	Về việc kiện toàn Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ Lâm Đồng.
4	Quyết định	2489/QĐ-UBND	28/11/2019	Về việc kiện toàn Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ Lâm Đồng.
5	Quyết định	1539/QĐ-VSTBPN	21/7/2020	Về việc ban hành quy chế hoạt động của Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh Lâm Đồng.
6	Quyết định	327/QĐ-UBND	05/02/2021	Về việc kiện toàn Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ Lâm Đồng.
7	Quyết định	2552/QĐ-UBND	20/12/2022	Về việc thay đổi Trưởng Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ Lâm Đồng.
8	Quyết định	501/QĐ-UBND	15/3/2023	về việc kiện toàn Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ Lâm Đồng.
9	Kế hoạch	2167/KH-UBND	12/4/2021	Về triển khai Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.
10	Kế hoạch	1732/KH-UBND	24/3/2021	Về Chương trình phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.
11	Kế hoạch	5658/KH-UBND	10/8/2021	Về việc triển khai thực hiện Chương trình <i>“Tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo và quản lý các cấp hoạch định chính sách giai đoạn 2021 - 2030”</i> .
12	Kế hoạch	1073/KH-UBND	23/02/2022	Về việc triển khai Chương trình truyền thông về bình đẳng giới đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

2. Các đề án

TT	Số hiệu văn bản	Thời gian ban hành	Trích yếu nội dung đề án
1	Đề án 938; Đề án 939 của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 938/QĐ-TTg)	Ngày 30/6/2017	<i>“Tuyên truyền, giáo dục, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ giai đoạn 2017 - 2027”; “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025”</i> .

2	Đề án 1893 của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 1893/QĐ-TTg)	Ngày 30/12/2018	<i>“Bồi dưỡng cán bộ, công chức Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp và Chi hội trưởng Phụ nữ giai đoạn 2019 - 2025”.</i>
3	Dự án 8 của Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	Năm 2021	<i>“Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” là một trong 10 Dự án thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg, ngày 14 /10/ 2021 của Thủ tướng Chính phủ.</i>

PHỤ LỤC 2

Thống kê tình hình cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý cấp huyện, cấp tỉnh

1. Cấp huyện

Năm	Cán bộ nữ tham gia cấp ủy ¹				Nữ đại biểu Hội đồng nhân dân ¹			Cán bộ nữ Ủy ban nhân dân ¹			Số huyện đạt tỷ lệ cán bộ nữ theo NQ 11 ²		
	Ban Chấp hành ³	Ban TV ⁴	Bí thư	Phó Bí thư	Tổng số ⁵	Chủ tịch	Phó Chủ tịch	Chủ tịch Ủy ban nhân dân	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân	Lãnh đạo các phòng trực thuộc ⁶	CB nữ tham gia cấp ủy đạt từ 25% trở lên	Nữ đại biểu Hội đồng nhân dân từ 35% đến 40%	Có lãnh đạo chủ chốt là nữ ⁷
2018	84/597 (14,0%)	19/155 (12,25%)	1	1	85/363 (23,4%)	2	8	0	4	64/239 (26,7%)	0	0	6/12 (50%)
2019	84/597 (14,0%)	19/155 (12,25%)	1	1	85/363 (23,4%)	1	7	0	3	73/279 (26,2%)	0	0	6/12 (50%)
2020	81/519 (15,6%)	17/147 (11,56%)	1	2	85/363 (23,4%)	1	5	0	3	71/282 (25,17%)	0	0	6/12 (50%)
2021	81/519 (15,6%)	17/149 (12,14%)	0	2	80/365 (21,9%)	1	4	0	3	75/283 (26,8%)	0	0	6/12 (50%)
2022	83/518 (16,02%)	17/149 (12,14%)	0	2	80/365 (21,9%)	0	4	0	2	76/288 (26,38%)	0	0	6/12 (50%)
Quý I/2023	76/501 (15,16%)	15/135 (11,11%)	0	3	80/365 (21,9%)	1	4	0	2	76/288 (26,38%)	1/12	0	6/12 (50%)

¹ Tính chung cán bộ cấp huyện.

² Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

³ Tổng số nữ ủy viên ban chấp hành/tổng số ủy viên ban chấp hành (tỷ lệ %).

⁴ Tổng số nữ ủy viên ban thường vụ/tổng số ủy viên ban thường vụ (tỷ lệ %).

⁵ Tổng số đại biểu nữ/tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân (tỷ lệ %).

⁶ Tổng số nữ trưởng và phó phòng/tổng số trưởng và phó phòng trực thuộc UBND huyện (tỷ lệ %).

⁷ Số huyện có các cơ quan, đơn vị (thuộc hệ thống chính trị cấp huyện) có tỷ lệ nữ từ 30% trở lên có cán bộ lãnh đạo chủ chốt là nữ/ tổng số huyện (và tương đương) của tỉnh.

2. Cấp tỉnh

Năm	Cán bộ nữ tham gia cấp ủy				Cán bộ nữ tham gia Hội đồng nhân dân			Cán bộ nữ của Ủy ban nhân dân			Số sở, ban, ngành thuộc hệ thống chính trị tỉnh có tỷ lệ nữ từ 30% trở lên có cán bộ lãnh đạo chủ chốt là nữ/tổng số sở, ban, ngành
	BCH ³	BTV ⁴	Bí thư	Phó BT	Tổng số ⁵	Chủ tịch	Phó CT	Chủ tịch UBND	Phó CT UBND	Lãnh đạo các sở, ngành trực thuộc ⁸	
2018	10/54 (18,5%)	02/15 (13,3%)	0	0	25/75 (33,3%)	0	0	0	0	12/69 (17,4%)	12/40
2019	10/54 (18,5%)	02/15 (13,3%)	0	0	23/73 (32,9%)	0	0	0	0	10/68 (14,7%)	12/40
2020	10/54 (18,5%)	02/15 (13,3%)	0	0	24/73 (32,9%)	0	0	0	0	10/67 (14,9%)	11/40
2021	05/50 (10%)	01/14 (7%)	0	0	23/66 (34,8%)	0	0	0	0	9/68 (13,2%)	11/40
2022	05/50 (10%)	01/14 (7%)	0	0	23/63 (36,5%)	0	0	0	0	10/71 (14,1%)	10/40
QI/2023	05/46 (10,9%)	01/14 (7%)	0	0	23/63 (36,5%)	0	0	0	0	10/70 (14,3%)	11/40

⁸ Tổng số nữ giám đốc và phó giám đốc/tổng số giám đốc và phó giám đốc các sở, ngành trực thuộc UBND tỉnh (tỷ lệ %)

PHỤ LỤC 3
Thống kê cơ cấu cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh⁹

Chức danh		Tổng số nữ/ tổng số nam và nữ (tỷ lệ)	Phân tích cơ cấu nữ										
			Dân tộc	Tôn giáo	Độ tuổi			Trình độ					
					Dưới 40	Từ 40 đến 50	Trên 50	Chuyên môn			Lý luận chính trị		
								Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	Trung cấp	Cao cấp	Cử nhân
Cán bộ nữ tham gia cấp ủy, các cơ quan đảng của tỉnh/ thành phố	Ủy viên BCH	5/46 (10,86%)	Kinh	Không		2	3	1	3	1		5	
	Ủy viên BTV	1/14 (7%)	Kinh	Không		1			1			1	
	Bí thư	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Phó BT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trưởng các ban Đảng và tương đương	2	Kinh	Không		1	1	1	1			2	
	Phó Trưởng các ban Đảng và tương đương	4	Kinh	Không		2	2		2	2		4	
Nữ đại biểu Hội đồng nhân dân	Chủ tịch HĐND	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Phó CT HĐND	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trưởng các ban và tương đương	1/4 (25%)	Kinh	Không	0	1	0	0	1	0	0	1	0
	Phó trưởng các ban và tương đương	1/4 (25%)	Kinh	Không	0	1	0	0	1	0	0	1	0
Cán bộ nữ Ủy ban nhân dân và các sở, ngành	Chủ tịch UBND	0/1 (0%)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Phó CT UBND	0/3 (0%)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Giám đốc sở và tương đương	4/19 (21,05%)	Kinh	Không	0	3	1	0	3	1	0	4	0

⁹ Số liệu tính đến hết quý I/2023

Chức danh		Tổng số nữ/ tổng số nam và nữ (tỷ lệ)	Phân tích cơ cấu nữ										
			Dân tộc	Tôn giáo	Độ tuổi			Trình độ					
					Dưới 40	Từ 40 đến 50	Trên 50	Chuyên môn			Lý luận chính trị		
								Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	Trung cấp	Cao cấp	Cử nhân
của tỉnh	Phó Giám đốc sở và tương đương	6/51 (11,76%)	Kinh	Không	0	3	3	2	3	1	0	6	0
Cán bộ nữ MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh, thành phố	Cấp trưởng (Chủ tịch, Bí thư)	2/6 (33,3%)	Kinh	Không	0	1	1	1	1	0	0	2	0
	Cấp phó (Phó CT, Phó BT)	5/14 (35,7%)	04 Kinh, 01 Cơ ho	04 Không, 01 Công giáo	1	3	1	3	2	0	0	5	0
	Lãnh đạo các ban chuyên môn	14/28 (50%)	01 Tày, 01 Nùng, 12 Kinh	Không	2	12	0	10	4	0	3	11	0

PHỤ LỤC 4

Thống kê tình hình điều động, luân chuyển cán bộ lãnh đạo Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam các cấp -----										
Năm	Chức danh		Số lượng cán bộ Hội chuyển đi cơ quan khác				Số lượng cán bộ ở cơ quan khác chuyển về Hội			
			Cơ quan Đảng	Cơ quan quản lý NN	MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội	Cơ quan khác	Cơ quan Đảng	Cơ quan quản lý NN	MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội	Cơ quan khác
2018	Cấp tỉnh	Chủ tịch Hội LHPN								
		Phó Chủ tịch Hội LHPN								
	Cấp huyện	Chủ tịch Hội LHPN								
		Phó Chủ tịch Hội LHPN			2					
	Chủ tịch Hội LHPN cấp cơ sở		1	1	1	1	1	2	4	
2019	Cấp tỉnh	Chủ tịch Hội LHPN								
		Phó Chủ tịch Hội LHPN								
	Cấp huyện	Chủ tịch Hội LHPN	1						1	
		Phó Chủ tịch Hội LHPN			1					
	Chủ tịch Hội LHPN cấp cơ sở			2		2	1	1	4	
2020	Cấp tỉnh	Chủ tịch Hội LHPN								
		Phó Chủ tịch Hội LHPN								
	Cấp huyện	Chủ tịch Hội LHPN	3		1	1		3		1
		Phó Chủ tịch Hội LHPN	1		1		1	1		
	Chủ tịch Hội LHPN cấp cơ sở			2	1	2	1	7	4	1
2021	Cấp tỉnh	Chủ tịch Hội LHPN								
		Phó Chủ tịch Hội LHPN								
	Cấp huyện	Chủ tịch Hội LHPN					1			
		Phó Chủ tịch Hội LHPN	1	1			1	1		
	Chủ tịch Hội LHPN cấp cơ sở			2	1	1	2	6	6	
2022	Cấp tỉnh	Chủ tịch Hội LHPN								
		Phó Chủ tịch Hội LHPN								
	Cấp huyện	Chủ tịch Hội LHPN	1				1			
		Phó Chủ tịch Hội LHPN								
	Chủ tịch Hội LHPN cấp cơ sở		1	1	3	1	2	1	6	
		Chủ tịch Hội LHPN								

Quý I/2023	Cấp tỉnh	Phó Chủ tịch Hội LHPN								
	Cấp huyện	Chủ tịch Hội LHPN								
		Phó Chủ tịch Hội LHPN								
	Chủ tịch Hội LHPN cấp cơ sở					1		1		1

PHỤ LỤC 5
Công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch cán bộ nữ cấp huyện, cấp tỉnh

1. Công tác đào tạo, bồi dưỡng¹⁰

Năm	Cấp huyện					Cấp tỉnh					
	Bồi dưỡng nghịêp vụ	Đào tạo				Bồi dưỡng nghịêp vụ	Đào tạo				
		Chuyên môn		Lý luận chính trị			Chuyên môn		Lý luận chính trị		
		Đại học	Sau ĐH	Trung cấp	Cao cấp		Đại học	Sau ĐH	Trung cấp	Cao cấp	Cử nhân
2018	719/1.858 (38,7%)	89/239 (37,2%)	9/104 (8,65%)	285/687 (34,78%)	32/92 (34,78%)	671/1.236 (54,2%)	109/173 (63,01%)	36/79 (45,57%)	64/183 (34,97)	4/19 (21,05%)	0 (0%)
2019	1.428/3.308 (43,17%)	49/237 (20,68%)	2/17 (11,76%)	277/397 (73,09%)	32/92 (34,78%)	672/1.335 (50,3%)	63/120 (52,5%)	34/79 (43,04%)	52/108 (48,15%)	5/18 (27,78%)	0 (0%)
2020	1.393/3.241 (42,98%)	8/56 (14,29%)	2/7 (28,57%)	150/385 (41,9%)	35/82 (42,68%)	683/1.383 (49,3%)	89/137 (64,96%)	43/92 (46,74%)	22/69 (31,88%)	4/11 (36,36%)	0 (0%)
2021	833/1.963 (42,44%)	9/66 (13,64%)	1/5 (20%)	232/539 (43,04%)	31/109 (28,44%)	627/1.357 (46,2%)	108/170 (63,53%)	50/98 (51,02%)	34/79 (43,04%)	7/16 (43,75%)	0 (0%)
2022	1.374/2.976 (46,17%)	10/99 (10,1%)	1/8 (12,5%)	116/305 (38,03%)	28/62 (11,14%)	660/1.195 (55,2%)	79/119 (66,39%)	25/60 (41,67%)	29/65 (44,62%)	2/9 (22,22%)	0 (0%)
Quý I/2023	525/1.187 (44,23%)	1/1 (100%)	0/1 (0%)	88/162 (54,32%)	15/29 (51,72%)	175/354 (49,44%)	70/105 (66,67%)	25/50 (50%)	16/46 (34,78%)	1/3 (33,33%)	0 (0%)

¹⁰ Tính số cán bộ nữ được đào tạo, bồi dưỡng/tổng số cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng (Tỷ lệ %).

2. Công tác quy hoạch¹¹

Cấp hành chính	Năm	Quy hoạch cấp ủy				Quy hoạch lãnh đạo UBND, lãnh đạo các phòng/sở/ngành trực thuộc UBND				Quy hoạch lãnh đạo HĐND	
		Ban Chấp hành	Ban Thường vụ	Bí thư	Phó Bí thư	Chủ tịch UBND	Phó Chủ tịch UBND	Cấp trưởng các phòng/sở/ngành trực thuộc UBND	Cấp phó phòng/sở/ngành trực thuộc UBND	Chủ tịch HĐND	Phó Chủ tịch HĐND
Cấp huyện	2018	227/1.054 (21,5%)	44/328 (13,4%)	4/38 (10,5%)	7/42 (16,6%)	2/35 (12,86%)	7/44 (15,9%)	35/171 (20,47%)	135/337 (40,0%)	3/36 (11,5%)	8/36 (22,2%)
	2019	227/1.054 (21,5%)	44/328 (13,4%)	4/38 (10,5%)	7/42 (16,6%)	2/35 (12,86%)	7/44 (15,9%)	35/171 (20,47%)	135/337 (40,0%)	3/36 (11,5%)	8/36 (22,2%)
	2020	227/1.054 (21,5%)	44/328 (13,4%)	4/38 (10,5%)	7/42 (16,6%)	2/35 (12,86%)	7/44 (15,9%)	35/171 (20,47%)	135/337 (40,0%)	3/36 (11,5%)	8/36 (22,2%)
	2021	226/1.003 (26,5%)	62/320 (19,3%)	4/36 (11,1%)	7/54 (12,9%)	5/36 (13,89%)	7/47 (14,89%)	43/189 (22,75%)	142/354 (40,1%)	6/25 (24%)	6/31 (19,35%)
	2022	226/1.003 (26,5%)	62/320 (19,3%)	6/37 (16,21%)	7/54 (12,9%)	5/36 (13,89%)	7/47 (14,89%)	43/189 (22,75%)	142/354 (40,1%)	6/25 (24%)	6/31 (19,35%)
Cấp tỉnh	2018	27/90 (30%)	5/24 (20,8%)	0	2/8 (25%)	0	1/8 (12,5%)	9/63 (14,3%)	25/117 (21,4%)	0	2/5 (40%)
	2019	27/90 (30%)	5/24 (20,8%)	0	2/8 (25%)	0	1/8 (12,5%)	9/63 (14,3%)	25/117 (21,4%)	0	2/5 (40%)
	2020	27/90 (30%)	5/24 (20,8%)	0	2/8 (25%)	0	1/8 (12,5%)	9/49 (18,3%)	18/89 (20,2%)	0	2/5 (40%)
	2021	12/64 (18,75%)	3/8 (16,7%)	0	1/5 (20%)	0	1/5 (20%)	9/49 (18,3%)	18/89 (20,2%)	1/3 (33,3%)	1/3 (33,3%)
	2022	12/64 (18,75%)	3/8 (16,7%)	0	1/5 (20%)	0	1/5 (20%)	6/31 (19,3%)	19/65 (29,2%)	1/3 (33,3%)	1/3 (33,3%)

¹¹ Tính số cán bộ nữ được quy hoạch/tổng số cán bộ được quy hoạch (Tỷ lệ %).